

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Số: 604 /BC - TĐTĐB - P5

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 - NĂM 2021

*Yên Bái, ngày 20 tháng 04 năm 2021*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>314.930.980.427</b>	<b>289.250.564.783</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	4	<b>39.168.373.147</b>	<b>110.345.444.910</b>
111	1. Tiền		17.168.373.147	31.845.444.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		22.000.000.000	78.500.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	5	<b>74.394.000.000</b>	<b>15.965.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		74.394.000.000	15.965.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>158.051.052.910</b>	<b>116.802.763.142</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		129.172.173.573	70.123.558.601
132	2. Trả trước cho người bán		1.108.853.766	1.761.719.217
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		20.000.000.000	20.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	5	10.413.819.349	27.681.279.102
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.643.793.778)	(2.763.793.778)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	6	<b>4.604.325.810</b>	<b>4.514.292.409</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.604.325.810	4.514.292.409
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>38.713.228.560</b>	<b>41.623.064.322</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		243.716.956	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		37.999.494.244	41.623.064.322
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	470.017.360	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.292.934.695.038</b>	<b>1.309.572.243.273</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
215	1. Phải thu dài hạn khác		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.046.456.494.672</b>	<b>1.066.249.451.102</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.030.167.977.457	1.049.850.392.275
222	- Nguyên giá		2.549.912.342.346	2.549.387.413.656
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.519.744.364.889)	(1.499.537.021.381)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	16.288.517.215	16.399.058.827
228	- Nguyên giá		20.763.322.400	20.763.322.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.474.805.185)	(4.364.263.573)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>18.188.110.918</b>	<b>10.433.402.018</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	18.188.110.918	10.433.402.018
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>87.049.000.000</b>	<b>87.049.000.000</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.880.000.000	5.880.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.169.000.000	81.169.000.000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>141.241.089.448</b>	<b>145.840.390.153</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		590.185.686	1.092.858.126
269	2. Lợi thế thương mại		140.650.903.762	144.747.532.027
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.607.865.675.465</b>	<b>1.598.822.808.056</b>

2002  
CÔNG  
CỔ P  
HỮY  
THÁC  
YÊN B

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>463.716.886.923</b>	<b>366.087.649.637</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>188.716.886.923</b>	<b>80.087.649.637</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		5.429.612.810	649.925.324
312	2. Người mua trả tiền trước		567.288.355	1.072.350.350
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	26.415.406.986	7.287.765.948
314	4. Phải trả người lao động		3.850.793.567	10.220.194.551
315	5. Chi phí phải trả	12	5.265.808.648	12.323.995.910
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	103.137.082.647	8.959.571.066
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		39.500.000.000	38.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.550.893.910	1.573.846.488
324	9. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>275.000.000.000</b>	<b>286.000.000.000</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán dài hạn		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		275.000.000.000	286.000.000.000
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.144.148.788.542</b>	<b>1.232.735.158.419</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>14</b>	<b>1.144.148.788.542</b>	<b>1.232.735.158.419</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		635.000.000.000	635.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		635.000.000.000	635.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		-	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		297.702.611.386	391.826.594.454
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		223.038.981.263	210.878.493.233
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		74.663.630.123	180.948.101.221
429	12. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		211.446.177.156	205.908.563.965
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.607.865.675.465</b>	<b>1.598.822.808.056</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

Người lập

Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng

Lê Hồng Minh



Yên Bái, Ngày 20 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Quyền



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2021	Quý 1 năm 2020	Lũy kế đến 31/03/2021	Lũy kế đến 31/03/2020
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	155.575.209.939	86.578.027.774	155.575.209.939	86.578.027.774
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		155.575.209.939	86.578.027.774	155.575.209.939	86.578.027.774
11	4. Giá vốn hàng bán	17	47.898.837.282	40.907.607.251	47.898.837.282	40.907.607.251
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		107.676.372.657	45.670.420.523	107.676.372.657	45.670.420.523
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18	3.476.048.720	1.103.177.330	3.476.048.720	1.103.177.330
22	7. Chi phí tài chính	19	6.623.329.452	10.263.453.604	6.623.329.452	10.263.453.604
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6.623.329.452	10.263.453.604	6.623.329.452	10.263.453.604
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				-	
25	9. Chi phí bán hàng		-			
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12.525.926.836	11.540.294.880	12.525.926.836	11.540.294.880
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		92.003.165.089	24.969.849.369	92.003.165.089	24.969.849.369
31	12. Thu nhập khác	20	91.851.800	126.774.728	91.851.800	126.774.728
32	13 Chi phí khác	21	26.909.427	29.804.222	26.909.427	29.804.222
40	14 Lợi nhuận khác		64.942.373	96.970.506	64.942.373	96.970.506



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

50	15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	92.068.107.462	25.066.819.875	92.068.107.462	25.066.819.875
51	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.404.477.339	4.962.774.517	17.404.477.339	4.962.774.517
52	17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>74.663.630.123</b>	<b>20.104.045.358</b>	<b>74.663.630.123</b>	<b>20.104.045.358</b>
	19 Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	69.126.016.932	17.970.190.079	69.126.016.932	17.970.190.079
	20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	5.537.613.191	2.133.855.279	5.537.613.191	2.133.855.279
70	<b>21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.089</b>	<b>283</b>	<b>1.089</b>	<b>283</b>
71	<b>22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.089</b>	<b>283</b>	<b>1.089</b>	<b>283</b>

Người lập



Nguyễn Trung Hiếu

Kế Toán trưởng



Lê Hồng Minh

Yên Bái, Ngày 20 tháng 04 năm 2021

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quyền



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2021  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2021	31/03/2020
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		92.068.107.462	25.066.819.875
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		24.400.330.807	25.780.002.609
03	- Các khoản dự phòng		(120.000.000)	(140.000.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.476.048.720)	(1.103.177.330)
06	- Chi phí lãi vay		6.623.329.452	10.263.453.604
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		119.495.719.001	59.867.098.758
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(40.130.466.752)	13.528.288.803
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(90.033.401)	(355.591.582)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(1.051.604.191)	(10.322.012.321)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		258.955.484	(158.206.372)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.987.304.111)	(9.618.055.262)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.143.015.857)	
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.522.952.578)	(1.132.098.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		66.829.297.595	51.809.424.024
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.265.455.012)	(1.417.030.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(58.429.000.000)	(28.430.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của			12.055.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.677.985.654	2.088.839.651
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(65.016.469.358)	(15.703.190.349)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại		-	
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(9.500.000.000)	(10.580.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(63.489.900.000)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(72.989.900.000)	(10.580.000.000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2021  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2021	31/03/2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(71.177.071.763)	25.526.233.675
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		110.345.444.910	35.685.593.416
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ		<u>39.168.373.147</u>	<u>61.211.827.091</u>



Nguyễn Trung Hiếu  
 Người lập



Lê Hồng Minh  
 Kế Toán trưởng




Nguyễn Văn Quyền  
 Tổng Giám đốc



Yên Bái, Ngày 20 tháng 04 năm 2021



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Quý 1 năm 2021***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5200240495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 31 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 20 tháng 02 năm 2019.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 635.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2021 là 635.000.000.000 đồng; tương đương 63.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

**1.2 . Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là năng lượng điện

**1.3 . Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo các công trình thủy công, công trình kiến trúc, các thiết bị của nhà máy thủy điện và trạm biến áp, thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp các công trình điện;
- Đầu tư các công trình nguồn và lưới điện;
- Bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch.

**1.4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của công ty là 12 tháng bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**1.5 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp một công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

- \* Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà - Trung Tâm dịch vụ kỹ thuật  
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái
- \* Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum (Công ty con)  
Địa chỉ: Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- \* Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 (Công ty liên kết)  
Địa chỉ: Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái

**1.6 . Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31/03/2021 Công ty có một chi nhánh hạch toán độc lập là Trung tâm dịch vụ kỹ thuật và Công ty sở hữu trực tiếp 1 công ty con, một công ty liên kết với thông tin cụ thể như sau:

- Công ty con

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Mường Hum	50,94%	50,94%	Thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào cai, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh điện năng

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2021

- Công ty liên kết

Tên công ty	Cam kết góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở	Hoạt động chính trong năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	49%	49%	Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái	Đầu tư Dự án Thủy điện Thác Bà 2

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

*Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung

### 2.3 . Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty (được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và chi nhánh) và công ty con cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.



Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

**2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.5 . Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường nhóm công ty được coi là ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% đến dưới 50% quyền bỏ phiếu ở công ty nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của nhóm công ty trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với nhóm công ty trong trường hợp cần thiết.

**2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

**2.9 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Nhóm Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

**2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.11 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.12 . Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các hợp đồng mua bán điện được Công ty và Công ty con ký kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các phụ lục hợp đồng có liên quan.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

### **2.13 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

### **2.14 . Các khoản thuế**

**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và

- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2021

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 2.15 . Thông tin theo bộ phận

Do đặc thù của Nhóm Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm Công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

### 2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân được coi là liên quan.

## 3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Vào ngày 4 tháng 11 năm 2019, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua 25.260.000 cổ phần, tương ứng với 50,94% vốn điều lệ của Công ty Mường Hum từ Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Vũ và các cá nhân gồm: ông Nguyễn Văn Ngọc, bà Nguyễn Thị Hằng, ông Nguyễn Anh Sơn và ông Nguyễn Anh Vũ với tổng giá phí là 337 tỷ VND. Công ty Mường Hum trở thành công ty con của Công ty.

Công ty Mường Hum là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5300526931 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 17 tháng 6 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với sửa đổi gần nhất là lần thứ 7 ngày 28 tháng 09 năm 2020. Công ty này có trụ sở chính tại thôn Bản Xèo 1, xã Bản Xèo, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm của công ty này là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Công ty mua Công ty Mường Hum với mục đích phát triển mảng sản xuất và kinh doanh điện năng của Công ty.

## 4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	18.458.196	755.213.195
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.149.914.951	31.090.231.715
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền (*)	22.000.000.000	78.500.000.000
	<u>39.168.373.147</u>	<u>110.345.444.910</u>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi bằng VNĐ đến ngày 31/03/2021 tại ngân hàng có kỳ hạn 3 tháng trở xuống và hưởng lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,7%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

**5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN****a** Chứng khoán kinh doanh

<b>b</b>	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/03/2021		01/01/2021	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>b1</b>	<b>Ngắn hạn</b>				
-	Tiền gửi có kỳ hạn (*)	74.394.000.000	74.394.000.000	15.965.000.000	15.965.000.000
-	Trái phiếu	-	-	-	-
-	Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-
		74.394.000.000	74.394.000.000	15.965.000.000	15.965.000.000

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 03 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 6 tháng đến 10 tháng và hưởng lãi suất từ 5,4%/năm đến 6%/năm.

<b>b2</b>	Dài hạn	31/03/2021		01/01/2021	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác(**)	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000
-	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết(***)	5.880.000.000	5.880.000.000	-	-
		87.049.000.000	87.049.000.000	81.169.000.000	81.169.000.000

(\*\*) Tại ngày 31/03/2021

- Công ty đang nắm giữ 3.000.000 cổ phần tương đương 0,6% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Nhiệt Điện Hải Phòng.

- Công ty đang nắm giữ 200.000 cổ phần tương đương 5% vốn điều lệ của Công ty Cổ Phần Thủy điện Thái An.

(\*\*\*) Tại ngày 31/03/2021

- Theo Nghị Quyết số 1452/NQ-TĐTB-HĐQT ngày 07 tháng 08 năm 2020 HĐQT Công ty đã thông qua tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2 là 49% Vốn điều lệ. Đến ngày 31/03/2021 Công ty đã thực hiện góp vốn đợt 1 với giá trị là 5.880.000.000 đồng.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VNĐ  
Công ty Cổ phần đầu tư Thủy điện Thác Bà 2

**Giá trị đầu tư**

Số 01/01/2021	-
- Tăng trong năm	5.880.000.000
Số 31/03/2021	5.880.000.000

**Phần lũy kế lợi nhuận (lỗ) từ công ty liên kết**

Số 01/01/2021	-
Số 31/03/2021	-

**Giá trị còn lại**

Số 01/01/2021	-
Số 31/03/2021	5.880.000.000

**5 PHẢI THU KHÁC**

<b>a</b>	Ngắn hạn	31/03/2021		01/01/2021	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	2.250.000.000	-	750.000.000	-
	Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	675.744.209	-	540.671.568	-
	Phải thu người lao động	377.004.192	-	217.376.146	-
	Ký quỹ, ký cược	4.926.276.486	-	9.546.080.528	-
	Phải thu khác	2.184.794.462	-	16.627.150.860	-
		<b>10.413.819.349</b>		<b>27.681.279.102</b>	
<b>b</b>	<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-		-	
Nguyên liệu, vật liệu	4.323.025.027		4.009.565.139	
Công cụ, dụng cụ	79.816.291		88.756.042	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	201.484.492		415.971.228	
	<b>4.604.325.810</b>		<b>4.514.292.409</b>	

**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	470.017.360	-
Thuế Giá trị gia tăng	-	-
Thuế tài nguyên	-	-
Thuế Thu nhập Doanh nghiệp	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-
	<b>470.017.360</b>	<b>-</b>

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2021	1.344.924.736.196	1.171.318.574.503	25.169.774.223	7.023.775.234	950.553.500	2.549.387.413.656
Mua sắm	82.328.000	-	-	-	-	82.328.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	442.600.690	-	-	442.600.690
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>1.345.007.064.196</b>	<b>1.171.318.574.503</b>	<b>25.612.374.913</b>	<b>7.023.775.234</b>	<b>950.553.500</b>	<b>2.549.912.342.346</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2021	538.800.152.915	938.549.926.233	15.565.605.136	5.741.350.049	879.987.048	1.499.537.021.381
Trích khấu hao	10.129.953.053	9.573.688.757	342.448.976	117.580.320	29.489.824	20.193.160.930
Tặng khác	14.182.578	-	-	-	-	14.182.578
Tặng do mua công ty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>548.944.288.546</b>	<b>948.123.614.990</b>	<b>15.908.054.112</b>	<b>5.858.930.369</b>	<b>909.476.872</b>	<b>1.519.744.364.889</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2021	806.124.583.281	232.768.648.270	9.604.169.087	1.282.425.185	70.566.452	1.049.850.392.275
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>796.062.775.650</b>	<b>223.194.959.513</b>	<b>9.704.320.801</b>	<b>1.164.844.865</b>	<b>41.076.628</b>	<b>1.030.167.977.457</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2021	20.558.322.400	205.000.000	20.763.322.400
Mua sắm	-	-	-
Tặng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>20.558.322.400</b>	<b>205.000.000</b>	<b>20.763.322.400</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2021	4.338.328.090	25.935.483	4.364.263.573
Trích khấu hao	102.791.613	7.749.999	110.541.612
Tặng do mua công ty con	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>4.441.119.703</b>	<b>33.685.482</b>	<b>4.474.805.185</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2021	16.219.994.310	179.064.517	16.399.058.827
<b>Tại ngày 31/03/2021</b>	<b>16.117.202.697</b>	<b>171.314.518</b>	<b>16.288.517.215</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-
Khác	18.188.110.918	10.433.402.018
	<b>18.188.110.918</b>	<b>10.433.402.018</b>

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã thực nộp	31/03/2021
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia	1.932.058.157	12.065.167.183	9.826.757.986	4.170.467.354
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.143.015.856	17.404.477.339	3.143.015.856	17.404.477.339
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	487.692.159	1.644.203.246	428.493.250	1.703.402.155
Thuế Tài nguyên	1.597.228.470	14.130.971.385	12.588.139.716	3.140.060.139
Thuế Thu nhập cá nhân	127.771.306	1.216.514.001	1.814.302.667	
Các loại thuế khác	-	487.935.602	490.935.602	(3.000.000)
	<b>7.287.765.948</b>	<b>46.949.268.756</b>	<b>28.291.645.077</b>	<b>26.415.406.987</b>

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

a Ngắn hạn	31/03/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	4.926.008.648	5.480.343.595
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	1.766.288.000
Chi phí phải trả khác	339.800.000	5.077.364.315
	<b>5.265.808.648</b>	<b>12.323.995.910</b>
b Dài hạn		

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

**c Lợi thế thương mại**

Đơn vị tính: VND  
 Công Ty Cổ Phần Thủy điện Mường Hum

**Nguyên giá:**

Số 01/01/2021 163.865.130.597

- Tăng trong năm -

Số 31/03/2021 163.865.130.597

**Phân bổ lũy kế:**

Số 01/01/2021 19.117.598.570

- Phân bổ trong năm 4.096.628.265

Số 31/03/2021 23.214.226.835

**Giá trị còn lại**

Số 01/01/2021 144.747.532.027

Số 31/03/2021 140.650.903.762

**13 . PHẢI TRẢ KHÁC****a Ngắn hạn**

31/03/2021

01/01/2021

VND

VND

Kinh phí công đoàn, BHYT, BHTN, BHXH - 30.687.991

Phải trả cổ tức cho cổ đông 95.406.991.749 146.891.749

Phí dịch vụ Môi Trường Rừng 5.457.235.824 5.465.244.096

Phải trả, phải nộp khác 2.272.855.074 3.316.747.230

**103.137.082.647****8.959.571.066****b Dài hạn****c Số nợ quá hạn chưa thanh toán****14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

<b>b) Các quỹ công ty</b>	31/03/2021	01/01/2021
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	-	-
<b>15 . Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	31/03/2021	01/01/2021
Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	194	363
<b>16 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	Quý 1 năm 2021	Lũy kế đến 31/03/2021
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	151.779.743.670	151.779.743.670
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.795.466.269	3.795.466.269
	<b>155.575.209.939</b>	<b>155.575.209.939</b>
	-	-
<b>17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	Quý 1 năm 2021	Lũy kế đến 31/03/2021
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	47.519.095.265	47.519.095.265
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	379.742.017	379.742.017
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
	<b>47.898.837.282</b>	<b>47.898.837.282</b>
	-	-
<b>18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	Quý 1 năm 2021	Lũy kế đến 31/03/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.226.048.720	1.226.048.720
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.250.000.000	2.250.000.000
	<b>3.476.048.720</b>	<b>3.476.048.720</b>
	-	-
<b>19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	Quý 1 năm 2021	Lũy kế đến 31/03/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.623.329.452	6.623.329.452
	<b>6.623.329.452</b>	<b>6.623.329.452</b>
<b>20 . THU NHẬP KHÁC</b>	Quý 1 năm 2021	Lũy kế đến 31/03/2021
	VND	VND
	<b>91.851.800</b>	<b>91.851.800</b>
<b>21 . CHI PHÍ KHÁC</b>	Quý 1 năm 2021	Lũy kế đến 31/03/2021
	VND	VND
	<b>26.909.427</b>	<b>26.909.427</b>

240  
IGT  
PHÂN  
Y DI  
C I  
+T

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

**22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý 1 năm 2021	Lũy kế đến 31/03/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	471.727.664	471.727.664
Chi phí nhân công	9.813.538.576	9.813.538.576
Chi phí khấu hao	20.301.997.996	20.301.997.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.175.162.357	3.175.162.357
Chi phí khác	26.662.337.525	26.662.337.525
	<b>60.424.764.118</b>	<b>60.424.764.118</b>

**23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 1 năm 2021	Lũy kế đến 31/03/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	137.235.254	137.235.254
Chi phí nhân công	3.760.268.722	3.760.268.722
Chi phí khấu hao tài sản cố định	661.117.533	661.117.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	554.356.150	554.356.150
Chi phí khác bằng tiền	7.412.949.177	7.412.949.177
	<b>12.525.926.836</b>	<b>12.525.926.836</b>

**24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý 1 năm 2021	Lũy kế đến 31/03/2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.404.477.339	17.404.477.339
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>17.404.477.339</b>	<b>17.404.477.339</b>

**25 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Do đặc thù của Công ty là hoạt động sản xuất kinh doanh điện chiếm trên 98% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý:

	Mối quan hệ	31/03/2021	01/01/2021
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>123.030.642.458</b>	<b>62.440.633.924</b>
Công ty mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan với cổ đông lớn	122.970.642.458	62.400.633.924
Công Ty Cổ phần Đầu Tư Thủy điện Thác Bà 2	Công ty liên kết	60.000.000	40.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		<b>46.849.316</b>	<b>61.095.891</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hình	Công ty liên kết của công ty mẹ	46.849.316	61.095.891

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
 Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021

	Mối quan hệ	31/03/2021	01/01/2021
<b>Phải thu về cho vay</b>		<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hình	Công ty liên kết của công ty mẹ	20.000.000.000	20.000.000.000

**27 . THÔNG TIN KHÁC**

Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2021 với Quý 1 năm 2020 tại BCTC hợp nhất

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1 năm 2020 đạt 20.104.045.358 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1 năm 2021 đạt 76.663.630.123 đồng

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý 1 năm 2021 so với Quý 1 năm 2020 của Báo cáo tài chính hợp nhất tăng 54.559.584.765 đồng chủ yếu là do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1 năm 2021 của riêng Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà tốt hơn so với cùng kỳ năm 2020, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý 1 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 tăng 66.261.399.234 đồng, tương ứng tăng 114% chủ yếu là do Doanh thu hoạt động điện tăng 62.366.143.998 đồng, tương ứng tăng 121% so với cùng kỳ năm 2020. Nguyên nhân là do Quý 1 năm 2021, mực nước hồ đầu năm cao hơn so với cùng kỳ năm 2020 là 3,78m, tình hình thủy văn thuận lợi lưu lượng nước về hồ tăng 2% so với Quý 1 năm 2020, đồng thời công ty thường xuyên cập nhật số liệu bám sát diễn biến thị trường điện từ đó đưa ra các chiến lược chào giá phù hợp dẫn đến sản lượng điện thương phẩm trong Quý 1 năm 2021 cao hơn so với cùng kỳ năm 2020 là 61,83 triệu kWh, tương ứng tăng 86%. Doanh thu hoạt động dịch vụ tăng 2.357.449.860 đồng, tương ứng tăng 164% so với cùng kỳ năm 2020 là do giá trị các hợp đồng dịch vụ được nghiệm thu trong Quý 1 năm 2021 lớn hơn so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu Hoạt động tài chính tăng 1.572.728.304 đồng, tương ứng tăng 32% so với cùng kỳ năm 2020 do doanh thu cổ tức từ các hoạt động đầu tư vốn góp vào các đơn vị trong Quý 1 năm 2021 cao hơn so với cùng kỳ năm 2020. Doanh thu khác giảm 34.922.928 đồng, tương ứng giảm 28% so với cùng kỳ năm 2020.

- Tổng chi phí Quý 1 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 tăng 6.734.544.025 đồng, tương ứng tăng 20% so với cùng kỳ năm 2020 chủ yếu do sản lượng Quý 1 năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020 dẫn đến chi phí Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng Quý 1 năm 2021 tăng so với cùng kỳ năm 2020. Các chi phí thường xuyên khác ổn định so với cùng kỳ.

- Thuế TNDN Quý 1 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 tăng 11.905.370.869 đồng so với cùng kỳ năm 2020. Chính sách thuế TNDN áp dụng cho công ty trong Quý 1 năm 2021 không thay đổi so với cùng kỳ năm trước, thuế TNDN trong Quý 1 năm 2021 tăng là do lợi nhuận trước thuế TNDN Quý 1 năm 2021 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2020.

- Ngoài ra lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2021 so với cùng kỳ năm 2020 của Báo cáo tài chính hợp nhất ảnh hưởng thêm doanh thu, chi phí Quý 1 năm 2021 của công ty con vào Nhóm công ty nên được tăng thêm 6.938.100.425 đồng lợi nhuận sau thuế tăng thêm từ công ty con, tương ứng tăng 160% so với cùng kỳ năm 2020.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC BÀ**


Tổ dân phố 1, Thị trấn Thác Bà, Huyện Yên Bình, Tỉnh Yên Bái  
Tel: (84-0216) 3 884 116 Fax: (84-0216) 3 884 167

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Quý 1 năm 2021



**Nguyễn Trung Hiếu**  
Người lập



**Lê Hồng Minh**  
Kế Toán trưởng



**Nguyễn Văn Quyền**  
Tổng Giám đốc

*Yên Bái, Ngày 20 tháng 04 năm 2021*